

PHONG TỤC LỄ TẾT CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Trần Thị Kim Thu

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khánh Hòa

Tác giả liên hệ: tranthikimthu@ukh.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 20/5/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 22/6/2020; Ngày duyệt đăng: 29/8/2020

Tóm tắt

Văn học trung đại Việt Nam và văn hóa dân gian có mối quan hệ chặt chẽ. Các yếu tố của văn hóa dân gian đã trở thành một phần chất liệu trong sáng tác văn học trung đại. Với hướng tiếp cận văn học từ văn hóa bài viết tổng hợp, phân tích, bàn luận về một số phong tục lễ Tết cổ truyền của người Việt như thưởng hoa, sắm Tết, dựng cây nêu, đốt pháo, đón giao thừa, mừng xuân, chúc Tết, chơi xuân qua các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam tiêu biểu. Bên cạnh bức tranh đầy màu sắc về phong tục lễ Tết, các tác phẩm còn ẩn chứa những tâm sự thâm kín của các nhà văn, nhà thơ về sự đổi thay, nhiều nhường của thời cuộc cùng với mong ước có một đời sống tốt đẹp hơn. Qua đó, bài viết góp phần nâng cao năng lực cảm thụ văn chương đồng thời phục hồi nét đẹp văn hóa Tết cổ truyền của dân tộc.

Từ khóa: *Phong tục, Tết, văn học trung đại, văn hóa dân gian.*

TRADITIONAL TET CUSTOMS IN VIETNAMESE MEDIEVAL LITERATURE

Trần Thị Kim Thu

Social Sciences and Humanities Department, University of Khanh Hoa

Corresponding author: tranthikimthu@ukh.edu.vn

Article history

Received: 20/5/2020; Received in revised form: 22/6/2020; Accepted: 29/8/2020

Abstract

Vietnamese medieval literature and folklore are closely related. Folklore's elements have become the part of materials in Vietnamese medieval literary works. On the cultural perspective and via these typical works, the article synthesizes, analyses and discusses some traditional Tet customs such as enjoying flowers, shopping for Tet, setting up the Neu tree, setting off firecracker, welcoming New Year's Eve, greeting the New Year's first day, exchanging New Year's wishes, and enjoying the spring festivals. Besides the colorful picture of the Tet customs, these works also contained inner feelings of writers about the change and harassment of historical periods and had a wish for better life. Thereby, the article aims to improve the ability of perceiving literature and to restore the cultural beauty of Vietnamese traditional Tet.

Keywords: *Custom, folklore, medieval literature, Tet.*

1. Đặt vấn đề

Một trong những mối quan tâm lớn của xã hội đương đại là việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Văn hóa được xác định là nền tảng, động lực, mục tiêu của sự phát triển ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh xã hội ngày nay, bản sắc văn hóa dân tộc đứng trước nguy cơ bị mai một, việc tìm hiểu văn học dưới góc nhìn văn hoá đang là cách tiếp cận phổ biến và được khẳng định. Bởi giữa văn học và văn hóa có mối liên hệ hết sức chặt chẽ, “Văn học là tấm gương của văn hoá”, “Trong tác phẩm văn học, ta tìm thấy hình ảnh của văn hoá qua sự tiếp nhận và tái hiện của nhà văn” (Huỳnh Như Phương, 2009, tr. 20), “Văn học phản ánh toàn bộ những sắc thái, diện mạo của văn hoá, biểu hiện trong đời sống từ kinh tế, xã hội, chính trị, đạo đức, pháp luật đến phong tục, tập quán, lối sống, đi đứng, nói năng” (Nguyễn Duy Bắc, 2006, tr. 158). Vì thế, trong các thành tố của văn hóa, văn học là loại hình nghệ thuật đến được với người tiếp nhận thuận lợi nhất, là thành tố góp phần phục hồi văn hóa dân tộc đặc lực nhất.

Nghiên cứu văn học Việt Nam từ văn hoá vừa góp phần tiếp cận văn học qua cái nhìn mới mẻ hơn, nhờ đó cũng khẳng định được sức sống mãnh liệt và bản sắc độc đáo của văn hoá Việt Nam trong nền văn học nước nhà nói riêng và đời sống dân tộc nói chung. Nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu đã làm cơ sở cho hướng tiếp cận vấn đề của bài viết như: *Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực* (Đỗ Lai Thúy, 1999), *Văn học và văn hoá từ một góc nhìn* (Phùng Quý Nhâm, 2003), *Văn học trung đại Việt Nam dưới cái nhìn văn hoá* (Trần Nho Thìn, 2007), *Giá trị văn hoá của Văn học Việt Nam* (Trần Đình Sử, 2017). Cũng có một số bài viết liên quan đến đề tài phong tục lễ Tết cổ truyền trong văn thơ trung đại, trong đó thơ văn Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương được nghiên cứu nhiều nhất. Tuy nhiên, đề tài này chưa có

những công trình nghiên cứu lớn, chưa là sản phẩm độc lập mà chỉ xuất hiện như một nội dung nhỏ khi tìm hiểu về một tác giả văn học. Bài viết “Phong tục lễ Tết cổ truyền của người Việt trong văn học trung đại Việt Nam” chọn hướng tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hoá với mong muốn một nghiên cứu có cơ sở lí luận và thực tiễn, có hệ thống, tổng hợp và phân tích khá đầy đủ, chi tiết các tác phẩm thơ văn trung đại về đề tài. Từ đó, bài viết góp phần nâng cao năng lực cảm thụ văn chương và khám phá vẻ đẹp văn hoá dân gian qua phong tục lễ Tết cổ truyền của người Việt.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về văn hóa dân gian và Tết cổ truyền trong văn học trung đại Việt Nam

Thời kì Đại Việt, cùng với sự phát triển của nhiều lĩnh vực trong xã hội là phát triển mạnh mẽ về văn hóa. Nền văn hóa dân tộc, bên cạnh bộ phận văn hóa dân gian sẵn có, còn xuất hiện nhiều bộ phận khác, trong đó nổi bật có văn hóa bác học. Trong khi văn hóa dân gian là một thực thể sống, nảy sinh, tồn tại và phát triển gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng thì văn hóa bác học phát triển trên cơ sở hình thành nhà nước phong kiến với các hệ tư tưởng giao lưu tiếp biến, nổi bật nhất là Nho, Đạo, Phật. Với sức ảnh hưởng mạnh mẽ của tam giáo, dù có lúc văn hóa bác học chi phối văn hóa dân tộc nhưng nó vẫn không nhấn chìm được văn hóa dân gian, vì văn hóa bản địa tồn tại lâu đời và có tính nội sinh mạnh mẽ. Ngược lại, văn hóa dân gian vừa tiếp tục phát triển vừa là cội nguồn nuôi dưỡng văn hóa bác học. Những dấu ấn của văn hóa dân gian như tư tưởng yêu nước, yêu thương con người; quan niệm thẩm mỹ về thiên nhiên, con người; tín ngưỡng thờ cúng, phồn thực; phong tục giao thiệp, ăn mặc, lễ Tết... được phản ánh đặc sắc trong nhiều tác phẩm văn học trung đại là minh chứng sống động về nội lực của văn hóa dân gian trong sự vận động và phát triển văn hóa dân tộc.

Điều đó cũng chứng minh rằng trong quá trình phát triển, văn học trung đại chịu sự ảnh hưởng của văn hóa dân gian với mức độ đậm nhạt khác nhau. Quá trình đó diễn ra trên ba chặng đường vận động của văn học. Từ thế kỷ thứ X - XIV, dù văn học giai đoạn này ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Hán nhưng dòng chảy của văn hóa dân gian vẫn được tồn tại và bảo lưu qua một số tác phẩm văn học giàu giá trị. Các sáng tác tự sự truyền kì tầm cỡ như *Báo cục truyện* (khuyết danh), *Việt điện u linh tập* (Lý Tế Xuyên), *Lĩnh Nam chích quái* (Trần Thế Pháp) đã dựa vào cơ sở văn hoá, văn học dân gian để ghi chép các huyền tích, thần phả, thần tích dân gian. Thông qua các đề tài về nguồn gốc giống nòi, đất nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, nhân vật lịch sử, linh khí núi sông, đời sống văn hóa xã hội, nhiều nét đẹp văn hóa như tín ngưỡng thờ cúng vua Tổ Hùng Vương, thờ cúng thành hoàng, phong tục gói bánh chưng bánh giầy, ăn trầu, tục cưới hỏi và tư tưởng yêu nước được các tác giả chú trọng phản ánh. Các tác phẩm đã có công lớn trong việc mở đầu cho thể loại văn xuôi tự sự trung đại cũng như góp phần bảo tồn cốt lõi văn hóa dân tộc trước sự thâm nhập ngày càng mạnh mẽ của chữ Hán, các thể loại và hệ thống thi pháp văn học Trung Hoa. Tuy nhiên, ngoại trừ tư tưởng yêu nước xuất hiện khá dày ở nhiều tác phẩm thì các giá trị văn hóa khác chỉ xuất hiện rải rác. Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, văn xuôi dần thoát li khỏi văn học chức năng để hướng mạnh vào việc phản ánh con người, xã hội. Dấu ấn văn học dân gian trong các truyện trung đại đã dần mờ nhạt, tiêu biểu chỉ còn lại như *Truyện kì mạn lục*. Thơ ca chữ Nôm bắt đầu phát triển tạo điều kiện lưu giữ văn hóa dân gian. Các giá trị văn hóa như quan niệm về con người, quan niệm thẩm mỹ về thiên nhiên và con người, tư tưởng yêu thương con người, tín ngưỡng phồn thực... tiếp tục bổ sung qua thơ văn của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ... Từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX, với ý thức lưu giữ và khôi phục văn

hóa dân tộc trong bối cảnh xã hội phong kiến khủng hoảng và sự xâm lấn văn hóa Phương Tây, các tác giả đã vận dụng chất liệu dân gian cho sáng tác văn học nhiều hơn. Sự tác động đạt đến đỉnh cao toàn diện, sâu sắc cả về nội dung và hình thức, biểu hiện qua nhiều tên tuổi lớn như Phạm Đình Hồ, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu... Trong đó, tư tưởng yêu nước, đặc biệt là yêu thương con người phát huy mạnh mẽ qua nhiều tác phẩm lớn thuộc thể loại truyện truyền kì và truyện thơ có giá trị nhân văn sâu sắc như *Vũ trung tùy bút*, *Truyện kì tân phả*, *Lan trì kiến văn lục*, *Cung oán ngâm*, *Chinh phụ ngâm*, *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*. Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa khác thuộc phong tục giao thiệp, lễ Tết, tín ngưỡng phồn thực, quan niệm thẩm mỹ về người phụ nữ xuất hiện khá nhiều trong tác phẩm. Càng về sau, các yếu tố dân gian xuất hiện trong tác phẩm như là một ý đồ, phương tiện nghệ thuật, trở thành một xu hướng sáng tác vừa nâng cao giá trị văn chương vừa có tác dụng phục hưng văn hóa dân tộc.

Người Việt có nhiều tết lớn nhỏ trong một năm, trong đó Tết Nguyên Đán là ngày lễ cổ truyền lớn nhất, lâu đời nhất và có phạm vi phổ biến rộng rãi nhất trong cả nước. Tết cổ truyền là một tổng hoà các hoạt động, biểu trưng, thiết chế văn hoá của toàn thể nhân dân. Nó hình thành trong không gian văn minh lúa nước của cộng đồng người Việt cổ, mang ý nghĩa vui mừng được mùa lúa sau một năm gieo trồng vất vả và mừng mùa cây trồng mới. Theo Trần Ngọc Thêm (1998, tr. 150): “Tết Nguyên Đán (nguyên = bắt đầu, đán = buổi sáng); nó còn được gọi là Tết ta... hoặc Tết cả”. Nét đẹp văn hóa Tết Việt thời kì phong kiến được lưu lại qua nhiều mỹ tục mang nếp sống cộng đồng về văn hóa vật chất (trang trí nhà cửa, mua sắm Tết, ăn uống), văn hóa tinh thần (cúng kính, chơi hoa, dựng nêu, đốt pháo, đón giao thừa, khai xuân, hái lộc, chơi xuân, chúc Tết).

Khảo sát thơ văn nhiều tác giả lớn thời trung đại, bài viết đã tiếp cận được một số mỹ tục đón Tết lâu đời của dân tộc như thưởng hoa, sắm sửa, chuẩn bị Tết, dựng cây nêu, đốt pháo, đón giao thừa, mừng xuân, chúc tết và chơi xuân. Những huyền tích về tục gói bánh chưng, bánh giầy được *Lĩnh Nam chích quái* phản ánh về cái Tết của cư dân nông nghiệp lúa nước từ thời Hùng Vương. Hàng trăm bài thơ, câu đối của các nhà Nho yêu nước đã ghi lại nhiều phong tục mừng xuân đón Tết trên quê hương Đại Việt qua những giai đoạn lịch sử thăng trầm với nỗi niềm khác nhau. Thơ Nguyễn Trãi đem lại cái Tết bình yên nơi quê nhà với thú thưởng hoa tao nhã và không khí đón giao thừa thiêng liêng, lắng đọng. Thơ Hồ Xuân Hương, qua các cuộc chơi xuân, là cái Tết vui tươi, táo bạo thời thiếu nữ dám bút phá những rào cản phong kiến để mở lòng với cuộc đời. Cảnh cúng kính gia tiên và chuẩn bị đón khách sáng mùng Một Tết trong thơ Cao Bá Quát hiện lên cái Tết âm cúng, đầy tin tưởng vào ngày mai. Ngắm hoa mai nở trên đất người và chứng kiến cảnh ông lão hàng xóm say sưa hội đình khiến cái Tết của Nguyễn Du trở nên buồn tủi vì lưu lạc. Còn thơ văn Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương tái hiện cảnh đón Tết nghèo của dân tình trong những năm xã hội phong kiến khủng hoảng trầm trọng. Nhiều nhà thơ khác cũng ghi lại dấu ấn phong tục Tết dân tộc với nhiều vẻ đẹp và cảm xúc sâu sắc. Điểm chung của nội dung phản ánh là tuy đời sống nhân dân ta có khi gặp khó khăn, vật chất thiếu thốn nhưng các phong tục lễ Tết vẫn được lưu giữ, thể hiện sống động với tình cảm trân trọng. Cảnh Tết trong thơ văn có khác nhau nhưng qua đó các tác giả đều mong muốn sự thay đổi tốt đẹp hơn và gửi gắm tình cảm yêu mến, tự hào với văn hóa dân tộc.

2.2. Một số phong tục Tết cổ truyền của người Việt trong văn học trung đại Việt Nam

Những ngày giao thời giữa năm cũ và năm mới, dịp thôn xóm vui vầy, gia đình đoàn tụ đã

được nhân dân ta tổ chức chu đáo và long trọng. Tết cổ truyền trong văn học trung đại mang những nét đặc trưng với các phong tục diễn ra trước, trong và sau Tết.

2.2.1. Phong tục thưởng hoa

Mùa xuân và những ngày Tết cổ truyền không thể thiếu hoa bởi hoa xuân là biểu tượng cho niềm vui, sức sống và sự tái sinh mạnh mẽ. Trong thế giới hương hoa rực rỡ của nhiều loài nở vào dịp Tết như cúc, thủy tiên, thược dược, ngọc lan thì mai và đào được nhân dân ta mong chờ thưởng thức nhiều hơn cả. Bởi chúng là hai loài hoa tươi tắn, tinh khiết, dễ trồng ở mọi nhà trên khắp đất Việt. Hơn thế mai và đào còn thể hiện sâu sắc triết lí nhân sinh, bản lĩnh, ước vọng của tâm hồn Việt. Thưởng hoa còn là một thú vui tao nhã của các nhà Nho xưa.

Với thâm mỹ dân gian Việt, hoa đào là tín hiệu của mùa xuân bởi vẻ đẹp hương sắc tươi thắm, mới mẻ. Hơn nữa, theo tín ngưỡng nhân dân ta, hoa đào có tính dương mang lại vượng khí và còn có thể xua đuổi ma quỷ. Vậy nên, người miền Bắc thường trồng một gốc đào trước ngõ để xuân về tăng thêm hương sắc tươi vui ngày Tết. Các nhà Nho cũng chờ đến Tết để được thưởng thức mai, đào. Thường thì người thưởng hoa sẽ chú ý đến sắc, đến hương, đến sức sống, sự duyên dáng hay một vẻ đẹp nào khác của hoa. Thưởng hoa xuân không chỉ đem đến niềm vui sướng được thưởng thức cái đẹp của tạo hóa mà còn khơi gợi nhiều cảm xúc sâu lắng cho con người. Tuệ Trung thượng sĩ “lòng như tro nguội” nhưng ngắm nhìn đào trước nhà nảy nhị, cảm xúc thăng hoa khiến nhà sư muốn dạo cung đàn mùa xuân trong tưởng tượng: “Xuân hời hời đối khai đào nhị/ Phong khởi không văn kích trúc can/... Một huyền cầm từ thỉnh kim đàn” (Xuân đến, lạng lẽ ngắm cây đào nảy nhị/ Gió nổi lên, luồng nghe khóm trúc khua vang/... Giờ đây, xin gảy cây đàn không giây), (*Thượng Phúc Đường Tiêu Dao thiền sư kỳ 1*). Nhà thơ Nguyễn Trãi cũng có thú thưởng thức hoa Tết

như bao người dân Việt. Trong thơ ông, hoa đào đồng nghĩa với mùa xuân, với vẻ đẹp tươi mới, thanh cao như thiếu nữ trong mắt kẻ si tình. Ông dành cho hoa những từ ngữ rất hữu tình như “đóa đào yêu”, “cành xuân mơn mớn”, “má đào”. Cho nên lúc ngắm hoa trong tiết trời xuân, nhà thơ đã dệt nên những vần thơ như “bản nhạc không lời” xao xuyến : “Đông phong ắt có tình hay nữa/ Kiến tiện mùi hương dễ động người” (*Đào hoa thi*). Nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm cũng yêu thích đào và có trồng một cây ở phía đông am Bạch Vân chờ thưởng Tết. Có năm hoa nở thật nhiều: “Tiên thụ thủy tương quán lý tài?/ Hảo xuân nhất độ hảo hoa khai” (Giống tiên ai đem đến trồng ở trong quán,/ Một độ xuân tươi là một lần hoa thắm nở), (*Đào hoa phàm nhị thủ kỳ 1*). Hoa nở khiến lòng người say đắm và tự hào rằng chỉ có đào của mình nở tươi nhất, thắm nhất như hoa ở cõi tiên.

Bên cạnh đào Tết, các thi nhân cũng yêu thích ngắm hoa mai. Nếu đón xuân mà có cả mai thì xuân càng trọn vẹn vì mai hướng đến sự hạnh phúc và sung túc. Nhiều người cho rằng hoa đào là biểu tượng của trời xuân miền Bắc còn mai là biểu tượng của Tết miền Trung và Nam. Tuy nhiên các nhà thơ xứ Bắc chọn mai làm cảm hứng thưởng Tết cũng khá nhiều. Có lẽ bởi mai không chỉ là biểu tượng của mùa xuân mà còn là biểu tượng mang nhiều giá trị nhân sinh quan sâu sắc, là hình ảnh ước lệ cho khí tiết thanh cao, mạnh mẽ của người quân tử. Điềm lại các nhà thơ, dễ nhận ra rằng cha ông ta yêu quý mai và gởi gắm vào loài hoa này những quan niệm tốt đẹp về cuộc đời. Dịp Tết đến, nhìn ngắm mai bung nở đẹp bất ngờ sau ba tháng đông dài giá buốt: “Ngũ xuất viên ba kim niễn tu,/ San hô trầm ảnh hải lân phù” (Năm cánh hoa tròn nhị điểm vàng,/ [Như] bóng san hô chìm, [như] vảy cá biển nổi), vua Trần Nhân Tông thấy ngày xuân hanh cũng âm lên và trân quý cuộc sống hơn. Bởi cảnh mùa xuân thực tại đẹp đến nỗi khiến cho Hằng Nga phải chán cung quế mà thèm được sống ở trần gian (*Tảo mai kì*

nhất). Xem hoa mai nở là niềm vui thưởng Tết của nhiều người nhưng lại là nỗi ám ảnh với nhà thơ xa xứ Nguyễn Du. Có thể là thói quen yêu hoa, ông ngắm mai nở mỗi dịp Tết về. Lưu lạc ở xứ người ông cũng không quên thú vui đó: “Đình mai dĩ hoán nhất niên xuân” (Trước sân, cây mai lại qua một mùa xuân nữa), (*Xuân tiêu thứ lữ*) hay “Đông hoàng sinh ý lậu hoàng mai” (Thấy chúa xuân để lộ sinh ý trên cánh hoa mai lạnh) (*Xuân nhật ngẫu hứng*). Nhưng trái ngược với niềm vui say đắm bên hoa, nhìn lại thực tại mình vẫn còn lưu lạc nơi đất khách quê người, mùa đoàn tụ không thể về quê hương, nhà thơ “đau lòng”, “nguội lạnh”, “kinh sợ”, “khóc cười”, đến “nước mắt đầm khăn”.

Ngắm mỗi cành đào, nhành mai xuân trong nhà, trước ngõ là hình ảnh thưởng Tết đẹp thường thấy của ông cha ta ngày trước. Trong thơ văn, thú vui tao nhã ấy làm rực sáng lên một mảng màu văn hoá đặc trưng của dân tộc. Mai, đào vào thơ xuân trung đại với nhiều cảm hứng vui buồn khác nhau nhưng vẫn gặp nhau ở điểm các tác giả thể hiện quan niệm thẩm mỹ, triết lí nhân sinh sâu sắc và mong muốn năm mới sẽ nhiều thay đổi tươi mới hơn như mai, đào ngày xuân.

2.2.2. Phong tục sắm sửa, chuẩn bị Tết

Nếu như phong tục thưởng hoa trong thơ văn trung đại thường gắn với sinh hoạt văn hóa mang tính cá nhân thì những phong tục đón Tết khác lại hướng ra cộng đồng một cách rõ nét, trong đó có phong tục sắm sửa, chuẩn bị Tết.

Nhân dân cho rằng cả năm lao động vất vả nên sẽ dành ba ngày Tết vui chơi, hưởng thụ. Người dân thường theo tục đi chợ mua sắm hàng quà Tết đầy đủ, nấu nhiều món ăn ngon, dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, trang hoàng đẹp đẽ với mong muốn cả một năm sung túc. Không phải gia đình nào cũng có điều kiện chuẩn bị cái Tết đầy đủ về vật chất, nhất là thời kì phong kiến khủng hoảng. Nhưng người dân vẫn cố níu giữ những phong tục Tết cơ bản nhất mang giá trị

tin thần. Phong tục chuẩn bị Tết trong văn học trung đại được phản ánh sớm nhất từ *Truyện bánh chưng (Lĩnh Nam chích quái)*. Từ hội thi các hoàng tử làm mâm cỗ dâng cúng tiên vương cuối năm, Vua Hùng đã chấm món bánh chưng, bánh giầy của Lang Liêu được giải nhất. Từ đó vua cho truyền nhân dân dùng thứ bánh ấy để cung phụng cha mẹ, thờ cúng tổ tiên trong các dịp lễ Tết. Tục này còn truyền cho đến ngày nay.

Ngày Tết với các nhà Nho không chỉ là sự hòa mình với xuân hay tự thu mình để giữ tiết tháo mà còn cả sự trải lòng cảm thương hướng cái nhìn ra cộng đồng. Bức tranh Tết trong văn học trung đại chỉ đôi chút niềm vui, nhìn chung vẫn là không khí buồn, nhất là thời kì phong kiến khủng hoảng. Cái buồn ấy tràn vào văn học qua các bài thơ, câu đối Tết của các bậc đại Nho như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... Đi chợ sắm Tết là phong tục lâu đời của nhân dân ta. Chợ tết thường đông vui và nhiều hàng quán hơn ngày thường. Từ ngày 23 tháng Chạp người dân nô nức đi chợ Tết để buôn bán, mua sắm, dạo Tết, gặp gỡ nhau trò chuyện hay thanh toán các khoản nợ nần còn lại. Nhìn cảnh chợ Tết có thể thấy “thước đo sự ấm no của cộng đồng trong năm” (Trần Ngọc Thêm, 1998, tr. 151). Nhưng đến với phiên chợ giáp Tết ở làng Vị Hạ, người đọc cảm nhận được cái ảm đạm của cuộc sống dân tình năm đói kém trong cảnh nước mất nhà tan: “Tháng Chạp hai mươi bốn chợ Đồng,/ Năm nay chợ họp có đông không?/ Dở trời mưa bụi còn hơi rét,/ Ném rượu tường đèn được mấy ông” (*Chợ Đồng* - Nguyễn Khuyến). Chợ Đồng là chợ phiên lâu đời họp ngay bên một ngôi đền ba gian mái ngói, xung quanh đền đắp tường đất bao bọc. Nhưng khi dân Pháp chiếm đóng làng thì chợ không họp nữa và tục họp chợ tất niên cũng mất. Thế nhưng Nguyễn Khuyến không thể quên được không khí chợ Đồng từng rộn rã, những dáng người tất bật dưới mưa xuân trong cái tiết trời gió bắc còn hơi rét của ngày hai mươi bốn tháng Chạp.

Tục ném rượu tường đèn là một nét đẹp cổ truyền diễn ra trong ba phiên chợ Đồng cuối năm. Sau dịp lễ Thánh, các bô lão làng Vị Hạ rủ nhau ra chợ ngồi tựa lưng vào tường đèn ném rượu xem thứ rượu nào ngon thì mua để tế lễ trong dịp Tết và đầu xuân. Nhưng khi Pháp chiếm độc quyền về rượu thì phong tục này cũng mất. Qua hình ảnh thơ miêu tả chân thực bằng ngôn ngữ mộc mạc và tấm lòng nhân ái của nhà thơ, hiện thực chợ Đồng chỉ còn lại là âm thanh rời rạc, rệu rã của người dân quê phải chật vật vì nợ nần: “Hàng quán người về nghe xao xác,/ Nợ nần năm hết hỏi lung tung”. Phiên chợ Đồng tất niên và tục ném rượu tường đèn vẫn được nhà thơ nhắc đến với bao tình cảm mến yêu, trân trọng và tiếc nuối cho phong tục văn hóa lâu đời của nhân dân ta bị mai một do thời thế đổi thay.

Trong khi thiên hạ rủ nhau sắm Tết cho đủ lễ thì nhà thơ Trần Tế Xương vẫn đang nợ nần, thất bại. Nhưng với tính sĩ diện hay cái khiêu traò phúng, việc sắm Tết được ông kể khá hài hước: “Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quây,/ Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu/ Bánh chưng sắp gói, e nôm chầy,/ Giò lụa toan làm sợ nắng thiêu”. Những lời “nói trạng” ấy là cách nhà thơ lấp liếm rằng mình đâu phải nghèo, cũng muốn sắm cái Tết đầy đủ cho bằng anh bằng em. Chẳng qua là “Tiền bạc trong kho chứa lĩnh tiêu” và hàng đã đặt nhưng chưa có mà thôi. Vì những lý do “chính đáng” nên “Thôi, thế thì thôi, đành Tết khác” (*Cảm Tết*). Với bài *Sắm Tết*, được nghệ thuật phóng đại giúp sức, tiếng cười trào phúng trở nên chua chát và tâm trạng nhà thơ bất cần hơn: “Một mâm mứt rận mới bày ra/ Kẹo chú Triều Châu đâu đợ được, Bánh bà Hành Tụ cũng thua xa”. Hình ảnh thức quà được yêu thích nhất trong ngày Tết của nhà ông Tú là loại mứt hảo hạng sánh hơn với các thức quà nổi tiếng thời bấy giờ. Có điều hơi rợn, hơi ngông và chút chua xót vì đó là thứ mứt rận mà thôi.

Bởi “ngắt ngưỡng” nên cuộc sống của cụ Nguyễn Công Trứ cũng có lúc ông đối diện với cái Tết nghèo. Vốn tính hài hước và sĩ diện, ông cũng ăn Tết bằng tưởng tượng với những thức quà nghe có vẻ khá sung túc nhưng thực ra vẫn thiếu sự đủ đầy bởi: “Bánh chưng... chùng ba chiếc,/ Rượu thuốc... độ nửa siêu,/ Trừ tịch... ba tiếng pháo/ Nguyên tiêu... một gang nêu” (*Tết nhà nghèo*). Bài thơ là tưởng tượng để bù đắp những thiếu thốn, là tưởng tượng nhưng cũng là ước mơ về cái Tết đầy đủ bên gia đình. Qua khẩu khí bài thơ, ta vẫn thấy một nhà Nho tài tử an nhiên tự tại, không ngại sự chê cười của thế gian.

Trở lại với nhà thơ Nguyễn Khuyến, bên cạnh những phiên chợ Tết buồn, người đọc cũng bắt gặp những cái Tết vui hiếm hoi. Đó là những năm cả làng được mùa cùng đón Tết khá trọn vẹn: “Trong nhà rộn rịp gói bánh chưng/ Ngoài cửa bi bô rủ chung thịch” (*Cảnh Tết*). Tính cộng đồng thể hiện rất rõ qua những câu thơ mang không khí hân hoan mua sắm, chuẩn bị đón Tết của nhà thơ quê Yên Đỗ. Ngắm nhìn người trong thôn xóm đầm ấm, sum vầy “gói bánh chưng” và “chung thịch”, cùng ngồi bên bếp lửa canh nồi bánh, ông cũng vui lây và mong “được mãi như thế”. Niềm vui xuân no ấm ấy có vẻ hiếm hoi nhưng cũng đủ chút hơi ấm thổi vào bức tranh giá buốt, âm đạm của những cái Tết nghèo kia. Có thể nói nhờ những cái Tết nghèo mà các nhà thơ trung đại đã làm giàu cho nền văn học Việt Nam.

Qua phong tục sắm sửa, chuẩn bị cho ngày Tết trong thơ văn trung đại, người đọc cảm nhận được hiện thực cũng như tình cảm và niềm mong ước của các nhà thơ lớn đối với nhân dân về một cái Tết đầy đủ, ấm no và sum vầy.

2.2.3. Phong tục dựng cây nêu và đốt pháo

Dựng nêu và đốt pháo ngày Tết là phong tục văn hóa lâu đời của nhiều dân tộc anh em, trong đó có người Việt. Trước đây, từ ngày hai mươi ba tháng Chạp, nhân dân thường dựng

cây nêu cao ở sân chùa, đình làng hay trước nhà. Thân cây nêu là cây tre già nhiều đốt. Thân cây được trang trí bằng các loại cờ, phướn, đèn lồng, câu đối, niêu đất chứa vôi, chuông gió, pháo... Bên dưới gốc, người ta rắc bột vôi trắng tạo thành vòng tròn hoặc hình cánh cung, mũi tên hướng ra phía Đông. Với ý nghĩa tâm linh, cây nêu được xem như biểu tượng cây mặt trời, cây vũ trụ giúp nhân dân xua đuổi tà ma, quỷ dữ trong dịp Tết. Xưa, nhân dân ta còn có tục đốt pháo trong dịp Tết. Đêm giao thừa các nhà đốt pháo trúc, pháo giấy hay pháo đất sét ngay cây nêu để báo hiệu trời đất sang canh. Tiếng pháo nổ vang xé toang màn đêm ba mươi còn khiến ma quỷ hoảng sợ bỏ đi chứ không dám quấy rối dân làng. Sáng mùng Một, pháo vang tung bùng náo nhiệt và xác giấy đỏ thắm sân nhà còn tượng trưng cho những điều may mắn cho năm mới. Âm thanh pháo nổ giòn giã trên cây nêu và mùi khen khét của thuốc pháo quyện vào mùi hương nhang đèn trên bàn thờ tổ tiên hòa thành một không khí Tết đặc biệt của dân tộc ta bao thế hệ xưa. Chính vì vậy, hai phong tục dựng cây nêu và đốt pháo cùng được nhắc đến khá nhiều và gắn kết khá chặt chẽ trong thơ văn trung đại.

Nguyễn Hữu Chinh đã ghi nhận một nét phong tục đẹp ngày Tết của dân tộc qua bài *Vịnh cái pháo* khi chỉ mới là cậu bé chín tuổi. Tương truyền, ngày Tết, cậu bé Chinh theo cha đi mừng tuổi thầy đồ, thầy bảo vịnh cái pháo, cậu ứng khẩu làm bài thơ ngay: “Xác không vốn những cật tay người,/ Bao nả công trình, tạch cái thời !/ Kêu lằm lằm càng tan tác lằm,/ Thế nào cũng một tiếng mà thôi”. Bài thơ về sau càng nổi tiếng vì nó mang triết lý sâu sắc và có chất dự cảm quan trọng về số phận của chính tác giả. Còn Ngô Thì Sĩ từng nhắc đến cây nêu như là biểu tượng của thế giới tâm linh không thể thiếu được trong dịp Tết dân tộc: “Đào phù, du hoá, tuế thời ký/ Dung điệp, trúc tiêu, phong tục thông” (*Gỗ đào, lửa liễu ghi năm tháng,/ Nêu trúc, cành đa phong tục xưa, Trần Thị Băng Thanh dịch*).

Với bản tính thâm trầm của một nhà Nho có tuổi, có lẽ cụ Nguyễn Khuyến chẳng tin sức mạnh của cây nêu và không thích nghe tiếng pháo inh tai. Khi làng xã dựng nêu, đốt pháo vui Tết, cụ cười rằng: “Ai nấy đại vô cùng, pháo nêu nêu kinh những Quý/ Ta đây nhàn bất trị, chè chè rượu rượu sướng bằng Tiên” (Câu đối Tết). Tuy vậy có năm cụ Nguyễn cũng dựng nêu thật. Người quê còn kể lại rằng ngày hai mươi ba tháng Chạp, ông quan Hoàng Cao Khải đi việc công và báo sẽ ghé thăm nhà cụ. Nguyễn Khuyến, lúc này bắt đực dĩ làm gia sư cho nhà ông ta, sai người nhà trồng một cây nêu cao, trên treo một chiếc đèn lồng và một vé đối như sau: “Kiết kiết can ma, tiết đáo, kinh thiên phù nhật nguyệt” (Chót vót cờ mao, đến Tết, chống trời phù nhật nguyệt). Hoàng Cao Khải đọc vé đối thì tấm tắc khen hay và năn nỉ muốn Nguyễn Khuyến viết nốt vé thứ hai. Chờ có thể, Nguyễn Khuyến dẫn Hoàng Cao Khải vào trong bếp nhà mình đang cúng mấy ông đầu rau bằng đất và đọc: “Mang mang khối thổ, thời lai, tảo địa tác quân vương” (Mênh mông khối đất, gặp thời, quét rác cũng làm vua). Câu này ý tứ sâu xa bảo Hoàng Cao Khải chỉ là đồ vô dụng, chẳng qua gặp thời thì nên sự lớn đó thôi. Hoàng Cao Khải hiểu ý xỏ xiên nhưng cũng đành cười nhạt vì không có cơ trách tội Nguyễn Khuyến (Đình Gia Khánh, 2007b). Những ngày tuổi cao, cụ Tam Nguyên mất yếu, đêm ba mươi tối trời không thấy rõ được mọi vật xung quanh. Tuy vậy, cụ vẫn có cách cảm nhận Tết bằng các tín hiệu quen thuộc, đó là cây nêu và tiếng pháo: “Tối ba mươi, nghe pháo nổ đùng, ờ ờ Tết,/ Sáng mừng một, vấp nêu đánh cộc, à à Xuân”. Câu đối không tả cảnh vật của xuân mà lấy âm thanh làm tín hiệu, dùng từ “nghe” và “vấp”, “ờ ờ” và “à à” để tả về nhận biết của người mắt kém như cụ thì thật là hay.

Phong tục trồng cây nêu và đốt pháo có tần suất lặp lại khá nhiều trong thơ và câu đối của Nguyễn Công Trứ. Lúc cuộc sống “lên voi” thì Tết nhà ông cũng dựng nêu, đốt pháo lòn

thiên hạ: “Mua pháo đốt chơi, để anh em nghe có tiếng/ Lèn nêu chặt lại, cho làng nước biết không xiêu” (Câu đối Tết). Ngay cả khi đời “xuống chó”, Tết của ông cũng không thiếu nêu và pháo. Tuy nhiên qua tưởng tượng của nhà thơ, cái đầy đủ vẫn còn gì đó thiếu thiếu bởi chỉ “một gang nêu”, chỉ “ba tiếng pháo”: “Trừ tịch kê vang ba tiếng pháo/ Nguyên tiêu cao ngất một gang nêu” (Tết nhà nghèo). Dầu vậy, cách nhìn Tết của nhà thơ trong cảnh nghèo không hề ảm đạm mà trái lại rất lạc quan: “Đuột trời ngất một cây nêu, tối ba mươi ri (vậy) là Tết,/ Vang đất đùng ba tiếng pháo, rạng ngày mồng một rứa cũng Xuân” (Câu đối Tết).

Đồng cảnh ngộ với Nguyễn Công Trứ, nhà thơ Trần Tế Xương cũng muốn có một cái Tết đàng hoàng, ít ra dựng được cây nêu, đốt phong pháo trúc cho vui. Nhưng rồi thực tại hiện ra, ông đành ăn Tết tưởng tượng như mọi năm: “Nực cười thay! Nêu không, pháo không vôi bột cũng không, mà Tết,/ Thôi cũng được! Rượu có, nem có, bánh chưng đều có, thừa xuân” (Câu đối Tết). Cảnh Tết nghèo đâu chỉ của riêng nhà thơ mà còn của nhiều cảnh đời lúc bấy giờ: “Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo/ Nhân tình trắng thế lại bôi vôi” (Câu đối Tết). Thời thế đổi thay, dân tình thê thảm và nhân nghĩa không còn mấy. Cái “xác” pháo ngày Tết ấy cách chơi chữ tài tình chỉ cho các nghèo xơ xác của nhân dân; cái “trắng” bạc bẽo của tình người cũng là cái trắng bạc của màu vôi bột. Đặt vào hoàn cảnh thời đó mới thấy tâm trạng nhà thơ Trần Tế Xương chua chát, xót xa biết nhường nào.

Văn học trung đại đã tái hiện sinh động phong tục dựng nêu, đốt pháo qua cái Tết nghèo vật chất nhưng giàu truyền thống văn hóa của nhân dân ta. Ngày nay tục đốt pháo không còn, tục dựng nêu tuy chỉ vài bộ phận trong cộng đồng người Kinh và một số dân tộc anh em duy trì, nhưng nhân dân ta vẫn không quên hình ảnh cây nêu cao trước sân nhà, âm thanh tiếng pháo vui tai như một tín hiệu tâm linh của Tết dân tộc.

2.2.4. Phong tục đón giao thừa

Đón giao thừa là một phong tục đẹp của ông cha được con cháu lưu giữ khá trọn vẹn đến ngày nay. Giao thừa còn được gọi là trừ tịch, là “điểm thời gian chuyển tiết giữa năm Cũ - Mới, được huyền thoại quan niệm như sự giao hòa Âm - Dương, phối ngẫu Trời - Đất để từ trong cái Chết - Cũ nảy sinh sự Sống - Mới” (Trần Quốc Vượng, 2000, tr. 331). Vậy nên mọi người cố thức để chứng kiến giây phút giao hòa của đất trời, nghe tiếng pháo, tiếng trống rộn ràng báo hiệu sang canh, cúng kính tạ ơn trời đất, tổ tiên, đi lễ đền chùa rồi hái lộc cầu may. Đây cũng là lúc các nhà Nho ghi lại phong tục thiêng liêng này với những nỗi lòng suy tư về nhân tình thế thái.

Thời khắc chuyển giao đem lại sức sống mới cho muôn vật khiến tác giả Đặng Đức Siêu cảm nhận đêm giao thừa với tâm trạng hết sức lạc quan: “Tháng lụn năm cùng, sự chẳng cùng/ Nửa đêm xuân lại nửa đêm đông/ Gà kêu, pháo nổ, năm canh trót/ Mừng cội mai già gặp chúa Đông” (*Trừ tịch*). Nhưng Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương lại đón giao thừa trong sự buồn tẻ. Không khí giao thừa làng Vị Hạ mùa đói kém khá âm ảm. Người làng nghe vẫn có tiếng trống nhưng là trống các làng khác vọng lại “inh ịch” nhỏ lẻ, vẫn có tiếng pháo nổ báo hiệu xuân sang nhưng chỉ đôi ba tiếng pháo của nhà giàu “lẹt đẹt”: “Inh ịch đêm qua trống các làng/ Cách ao lẹt đẹt pháo thầy Nhang” (*Khai bút* - Nguyễn Khuyến). Trần Tế Xương cũng tả cảnh đón giao thừa của người nghèo đô thị qua không gian tối tăm “om thòm” và tiếng pháo lẻ tẻ chỉ “đi đẹt”: “Đi đẹt ngoài sân tràng pháo chuột/ Om thòm trên vách bức tranh gà”. Chứng kiến cảnh ấy khiến nhà thơ phải buông lời chửi xéo bọn hãnh tiến rơm đùng quên đi nỗi nhục mất nước: “Dám hỏi những ai nơi cố quận/ Ràng xuân, xuân mãi thế ru mà” (*Xuân ru*). Sở dĩ không khí giao thừa trong thơ hai nhà Nho buồn đến vậy vì trời đất có sang canh thì đất nước cũng không

thay đổi được điều gì. Nhân dân vẫn phải sống trong “thời đại khủng hoảng toàn diện” và điều khó cứu vớt nhất chính là “khủng hoảng về hệ tư tưởng - văn hóa”, trong đó có phong tục lễ Tết dân tộc (Trần Quốc Vượng, 2000, tr. 921).

Bởi đêm ba mươi trời tối nhất nên các nhà thơ cảm thức khoảnh khắc giao thừa chủ yếu từ tín hiệu âm thanh. Nghe tiếng pháo giao thừa báo sang canh, Nguyễn Trãi biết mình già hơn và rồi suy ngẫm về bản thân - một ông quan già an hưu chỉ ngồi chờ đếm tuổi: “Chong đèn chực tuổi cay con mắt,/ Đốt trúc khuya na đấng lỗ tai” (*Trừ tịch*), (Đình Gia Khánh, 2007a). Thời khắc sang canh khiến người ta thường nhìn lại những điều mình đã thực hiện trong quá khứ và mong muốn đến tương lai. Nguyễn Trãi cũng ngẫm ngợi hơn nhiều về bản thân và nhân tình thế thái khi từ bỏ chính trường. Lúc còn làm quan, sắp Tết triều đình ban lịch như một ân huệ gọi là “lịch quan”, nay nghỉ hưu không còn ưu ái đó nên “chẳng thấy”, mà cũng chẳng cần hỏi. Thức khuya đợi giao thừa mà “cay mắt”, nghe pháo trúc nổ lại “đấng tai”. Cách dùng từ là một sự chuyển nghĩa tinh tế biểu thị cảm xúc của người già đang chờ đợi khoảnh khắc mới trong tâm trạng vừa vui vừa buồn tủi. Năm mới đến, người càng có tuổi càng chạnh lòng hơn. Cùng với tâm trạng như Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến thương cho mình tóc đã bạc, mắt đỏ ngầu vì tuổi tác ập đến một cách không mong muốn. Đêm giao thừa làng mở cửa đình để cúng kính và bắt cỗ. Nhưng trong đêm ấy, biết mình sẽ lên tuổi lão làng “năm mươi năm”, sắp được ngồi “cỗ phe” và “ăn dung”, Nguyễn Khuyến ngồi dưới bóng đèn, lặng lẽ uống rượu và kí thác nỗi niềm qua những câu thơ: “Bất tri đầu thượng kỷ hành bạch,/ Chỉ hữu niên lai song nhãn hồng” (Chẳng hay trên đầu đã có mấy sợi tóc bạc,/ Chỉ biết độ một năm nay hai mắt đỏ ngầu). Tuy nhiên không lâu nghĩ ngợi cho năm tháng đời mình, nhà thơ đã mở lòng cảm thương cho những người nghèo đang đón xuân: “Nhân dục tầm xuân minh nhật kiến,/ Bản duy thử tịch bách ưu không” (Ai

muốn tìm xuân sáng mai sẽ thấy,/ Nhà nghèo chỉ có đêm nay là không lo gì). Chỉ có đêm giao thừa là họ không phải lo, không lo vì không có gì để kiếm, không bị ai hành hạ, người ta còn bận đón xuân (*Trừ tịch kì 2*).

Đêm giao thừa là thời điểm thiêng liêng của đất trời, con người và cả dân tộc. Đây cũng là thời gian nghệ thuật đầy tâm trạng, nỗi niềm của các nhà thơ trung đại trong thời khắc sang xuân.

2.2.5. Phong tục mừng xuân, chúc Tết

Nguyên Đán có nghĩa là buổi sáng đầu tiên của năm. Vào sáng mùng Một nhiều hoạt động văn hóa diễn ra mỗi nơi mỗi khác. Người thì bày biện thức quà, ăn mặc đẹp để đãi khách, người tranh thủ khai bút, người thăm viếng, chúc Tết trong gia đình. Ba ngày Tết lại càng có nhiều hoạt động hơn như chúc Tết, chơi xuân, tụ tập ăn uống... Tất cả đều vui vẻ và mong ước những điều tốt đẹp nhất cho cả năm. Các nhà Nho trung đại đã đón nhận những ngày đầu xuân với sự trân trọng nét đẹp truyền thống của dân tộc.

Nhà thơ Cao Bá Quát tả cảnh ngày mùng Một Tết ấm áp với đầy đủ phong tục của quê hương trong bài *Nguyên nhật (Ngày mùng Một Tết)*: “Tự sự thẳng hoài dư hiểu lộ,/ Tân diên áp nhượng hữu gia sơ/ Cầm tinh văn thụ thanh ung biến/ Tùng khán hàn đình sắc dục thư” (Việc thờ cúng, lòng buồn ngủi như lúc thấy hạt sương buổi sớm mà sinh cảm/ Tiệc đãi khách sẵn có gạo nếp đem ra chào mời/ Tiếng chim hót trên cành cây tiết muộn nay nghe đã thấy khác/ Cây tùng ở trước sân lạnh lẽo trông cũng như đang vươn lên). Nhà thơ xúc động nhớ đến ông cha đã khuất không còn vui cùng con cháu những ngày Tết sum vầy. Nhưng khi thấy mọi sự thay đổi, vạn vật sống động, tươi tốt, ông lấy lại phần chân, vui vẻ chờ đón khách đến đãi tiệc với hi vọng có một khởi đầu tốt đẹp. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương vẽ nên cảnh mừng xuân tươi vui, độc đáo của mình với mong muốn rất thường thấy của các thiếu nữ thời xưa: “Tối ba mươi, khép cửa càn khôn, ních chặt lại kéo ma vương

đưa quỷ tới/ Sáng mùng Một, lỏng then tạo hoá, mở toang ra cho thiếu nữ đón xuân vào” (Câu đối Tết). Từ phong tục đóng cửa đêm ba mươi để tránh cái xấu và mở cửa vào sáng mùng Một để đón cái tốt, nữ sĩ đã thể hiện tiếng cười hóm hỉnh, đa tình và khao khát rất Xuân Hương. Dám đem cái “thiếu nữ” mà chống chọi với “ma vương” là dám đem thân nữ nhi mà sánh ngang trời đất. Nhưng sao cứ ồm ờ, úp mở lấy “then tạo hóa” của người thiếu nữ đối với “cánh càn khôn” to lớn? Người dám bút tung khuôn khổ để đón nhận đất trời, xã hội bao la là người thiếu nữ trẻ trung, với tâm hồn rộng mở, trong sáng, tràn trề sức sống khi bước vào ngày đầu xuân (Vũ Ngọc Khánh, 2007b).

Nếu thơ mừng xuân, đón Tết của Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương ấm áp niềm vui thì thơ văn Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương lại đượm vẻ buồn vì nỗi cơ hàn của bản thân, cái xao xác của làng quê đối lập cảnh lố lăng phản cảm của kẻ giàu sang trong những năm đói kém, giặc giã. Nguyễn Công Trứ với cảnh nợ nần chồng chất chỉ biết uống rượu quên đời vẫn không quên cầu mong cái nghèo ra đi, phúc lộc sẽ đến trong năm mới: “Chiều ba mươi nọ hỏi títt mù, co căng đập thẳng Bàn ra khỏi cửa/ Sáng mùng một rượu say túy lúy, giơ tay bông ông Phúc đón vào nhà” (Câu đối Tết). Ba ngày xuân không có việc gì làm, Nguyễn Khuyến một mình tựa cửa, đắp chăn, đọc sách và uống rượu đến say nê: “Bắc song độc chúc đôi nhiên túy,/ Nhất dục xuyên hải thượng thúy vi” (Trước song say lại nằm khoèo,/ Những toan xỏ dép mà trèo non xanh, Dương Xuân Đàm dịch), (*Xuân nhật kì 3*). Ở bài *Xuân Canh Tý* viết năm 1900, cụ Tam Nguyên lại khai xuân trong cảnh buồn tái tê của thời khắc “sáu sáu tuổi trời”: “Tam triều tịch hậu tửu tương khánh/ Vạn lục tùng trung hoa dục nhiên/ Lão bệnh cận lai ngâm hứng thiếu,/ Xuân hàn vô sự bảo lô miên.” (Qua ba ngày Tết vui bầu/ Hoa trong chậu cảnh như hầu muốn roi/ Bệnh già thơ hứng cũng vui/ Rét đài sương ẩm ngủ vùi mừng xuân,

Lê Phụng dịch). “Mông Một tết cha, mông Hai tết mẹ, mông Ba tết thầy” là tục lệ đẹp ngày Tết. Vào sáng ngày mông Một con cháu sum vầy, thôn xóm tụ tập chúc tụng, tặng quà ông bà, cha mẹ. Nguyễn Khuyến cũng hưởng ứng tập tục trong tiếng cười trào lộng: “Năm mới lệ thường thêm tuổi một,/ Cỗ phe ngòi chóc đã bàn ba” (*Mừng con dựng được nhà*). Đáp lại tình cảm con cháu ông cũng chúc Tết bằng giọng thơ nhẹ nhàng, ấm áp tình thương: “Tổ nghiệp vô tha nhất thúc thư/... Nhi tào hoặc khả thừa ngô chí,/ Bút nghiên vô hoang đạo, thúc, sơ.” (Một bó tàn thư ấy nghiệp nhà/ Các con nối chí cha nên biết/ Nghiên bút đừng quên lúa, đậu, cà, Vũ Mộng Hùng dịch), (*Xuân nhật thị chư nhi kỳ 1*). Là một gia đình Nho học truyền thống, Nguyễn Khuyến luôn trăn trở và mong muốn các con cố gắng giữ lấy nghiệp nhà - nghiệp Nho gia, thanh bạch và cần kiệm trong bối cảnh xã hội rối ren. Lời chúc cũng là lời tâm tình, gửi gắm nguyện vọng của nhà Nho chân chính.

Lời chúc Tết vừa là một mong ước, một nguyện cầu, vừa là một cách thức ứng xử mang tính văn hóa. Tuy nhiên trong đó có những tiếng chúc vô tư xởi lởi mang tính chất tham lam, vô nghĩa lý mà không phải ai cũng nhận ra. Ấy thế mà có một người “lẳng lẳng” nghe rồi bình phẩm và giễu cợt. Câu chuyện *Năm mới chúc nhau* qua cái nhìn trào phúng bậc thầy của Tú Xương đã hiện ra với tất cả sự khôi hài và giả dối của xã hội phong kiến thực dân. Bọn nhà giàu thì lúc nào cũng sống phè phỡn, sung túc, ấy vậy mà chúng vẫn chúc nhau những điều thừa thãi, giả dối: “chúc trăm tuổi”, “chúc giàu”, “chúc sang”, “chúc con”. Cùng cảm hứng phê phán đó, nhà thơ đã chỉ đồng những kẻ theo Tây đón Tết dân tộc với những hành vi lai căng, khoe khoang, kịch cỡm: “Khăn là bác nọ to tày rế/ Váy lĩnh cô kia quét sạch hề/ Công đức tu hành, sư cô lọng/ Xu hào rùng rình, Mán ngồi xe/ Phong lưu rất mực ba ngày Tết” (*Năm mới*). Nói như thế không có nghĩa là Tú Xương “vơ đũa cả nắm”. Ông đâu dám chê bai tục lệ chúc

Tết rất ý nghĩa của dân tộc. Nhà thơ chỉ phê phán thói phô trương rôm rỏi của bọn người hãnh tiến trong xã hội đương thời đang nhắm mắt làm ngơ trước cảnh đời nô lệ, dân chúng lầm than.

Trong cảnh đất nước loạn lạc, nhân dân cực khổ, các nhà thơ không thể vui xuân trọn vẹn mà đã trải mình chia sẻ, cảm thông với dân tộc. Qua việc tái hiện phong tục chào đón năm mới, các nhà thơ trung đại đã gửi vào đó những tâm sự sâu kín với tấm lòng ưu ái rất đáng trân trọng.

2.2.6. Phong tục chơi Tết

Trong những ngày Tết, ngoài tập tục về lễ nghi, giao thiệp, người dân - đa số là người trẻ - còn thích đi chơi xuân. Họ thường rủ nhau ra đình làng thi các trò chơi, ăn uống hát hò hay du xuân đến các thắng cảnh hoặc tham dự lễ hội dân gian. Lùng mẫm trong thơ Tết Nguyễn Du mới gặp một nét chơi xuân làng mạc thời đó: “Lân ông bôn tẩu thôn thiên miếu,/ Đẩu tửu song cam túy bất hồi” (Lão ông hàng xóm quanh bên miếu/ Cam rượu say sưa chẳng thể rời, Đông A dịch), (*Xuân nhật ngẫu hứng*). Cái miếu đầu thôn ngày Tết thời ấy là chỗ mấy ông trong làng quanh năm tất bật bây giờ được hào hứng gặp nhau ăn uống, hát hò, vui chơi. Nhìn ông già hàng xóm vui đầu chầu đẩy khiến nhà thơ khao khát được trở về quê hương và đoàn tụ với gia đình hơn bao giờ hết. Chỉ một nét thôi mà thấy ấm áp văn hóa làng xã một thời xa nhưng cũng chạnh lòng cho cụ Nguyễn Tiên Điền (Đình Gia Khánh, 2007b). Mấy ngày Tết, Hồ Xuân Hương du xuân đến những nơi khách thập phương nô nức trẩy hội như Khán Đài hay các danh thắng như động Hương Tích ở Chùa Hương, hang Cốc Cờ, hang Thánh Hóa ở Chùa Thầy... Tinh thần du hí của người tài tử đã kéo nữ sĩ đi đây đi đó và ghi lại kí ức ngày xưa: “Êm ái chiều xuân tới Khán Đài,/ Lâng lâng chẳng bọn chút trần ai” (*Chơi Khán Đài*). Qua cảnh chiều xuân êm đẹp như chôn bông lai và niềm vui du xuân nhẹ nhàng ở hai câu đề, nhà thơ cũng gửi gắm vào những câu thơ sau những nỗi niềm tâm sự của

hiện tại với phong cách rất Xuân Hương: “Bôn mùa triều mộ, chuông gầm sóng,/ Một vũng tang thương, nước lộn trời/ Bề ái ngàn trùng khôn tát cạn,/ Nguồn ân trăm trượng dễ khơi voi” (Đỗ Lai Thúy, 1999).

Lễ hội xuân là minh chứng cho sự gắn kết của cộng đồng làng xã, minh chứng cho nét đẹp văn hoá ngàn đời của ông cha ta. Bằng vài nét phác hoạ, nhà thơ đã giúp ta hình dung một cách đầy sinh động không khí sinh hoạt văn hoá của dân gian - trò chơi đánh đu - trong hội xuân: “Trai đu gói hạc khom khom cật/ Gái uốn lưng cong ngựa ngựa lòng/ Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới/ Hai hàng chân ngọc duỗi song song” (*Đánh đu*). Nhà phê bình Đỗ Lai Thúy từng cho rằng: “Thiên tài Hồ Xuân Hương là miêu tả cảnh đánh đu rất đẹp, đầy hình ảnh, màu sắc, động tác gợi được không khí xuân... Đồng thời, bằng tài nghệ của mình, nhà thơ đã dựng lên nghĩa lấp lửng, phục nguyên được ý nghĩa phồn thực của trò chơi đánh đu” (Đỗ Lai Thúy, 1999, tr. 15). Đối với nam nữ thanh niên lúc bấy giờ, chỉ có trong ngày hội dân gian ngắn ngủi ấy họ mới được đứng gần nhau mà tung bay với nhau giữa không gian xuân sắc, tận hưởng khoảnh khắc hạnh phúc nhỏ nhoi ấy mà không phải ngần ngại lễ giáo. Cho nên, kết thúc bài thơ, tưởng chỉ là lời nghịch ngợm của tác giả song cũng là niềm luyến tiếc băng khuâng về ngày xuân trôi qua, cuộc vui không còn: “Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá/ Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!”. Từ phong tục chơi Tết trong thơ trung đại ta thấy nhân dân không chỉ làm lụng vất vả quanh năm mà họ còn biết hưởng thụ cuộc sống với thế giới bên ngoài một cách phóng khoáng để vui bớt những nỗi lo toan, buồn phiền của nghiệp nhà nông.

Qua những bức tranh Tết có dư vị hơi buồn nhưng ấm áp tinh thần cộng đồng, các tác giả trung đại cũng muốn phản ánh bức tranh nhiều biến động của xã hội phong kiến Việt Nam, nhất là thời kì khủng hoảng, với mong muốn

đòi sống tốt đẹp hơn và văn hóa dân tộc được gìn giữ, phát triển bền vững.

3. Kết luận

Văn học trung đại Việt Nam đã ghi lại dấu ấn các phong tục Tết cổ truyền của người Việt khá đặc sắc qua nhiều tác phẩm của các tác giả tiêu biểu. Việc khảo sát tư liệu phong phú, đa dạng, sinh động của văn học trung đại về phong tục lễ Tết cổ truyền cho thấy mối quan hệ gắn bó giữa hai lĩnh vực. Các tác phẩm ghi lại phong tục lễ Tết dân tộc dù được sáng tác một cách chủ quan hay khách quan cũng đã giúp người viết có cái nhìn toàn diện về những giá trị truyền thống của văn hóa Việt trong dòng chảy văn học trung đại. Qua đó, ta có thể thấy, trong tâm thức của người Việt, văn hóa là mạch nguồn không bao giờ voi cạn, đặc biệt nó luôn tràn chảy trong văn chương từ thời trung đại đến hiện đại.

Trong nhiều phong tục Tết của dân tộc, bài viết đã khảo sát được một số phong tục tiêu biểu giàu giá trị văn hóa như thưởng hoa, sắm Tết, dựng cây nêu, đốt pháo, đón giao thừa, mừng xuân, chúc tết, chơi xuân trong thơ văn của những tên tuổi lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... Dấu ấn của các phong tục Tết cổ truyền được thể hiện đa dạng trong các yếu tố như nhan đề, nội dung, ngôn từ, thể loại văn học. Một số phong tục Tết khác hoặc không thấy xuất hiện hoặc mức độ phản ánh thoáng qua với số lượng tác phẩm hạn chế đã không được bài viết khai thác.

Nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn văn hoá dân gian là cách tiếp cận văn học cần thiết và nhiều ý nghĩa cho bài viết. Trước hết, cách nghiên cứu này làm phong phú thêm cách nhìn về văn học trung đại - vốn khó hiểu, khó cảm, đồng thời có thể tương tác đến sự phát triển của văn học thời kì này. Những giá trị văn hóa về phong tục lễ Tết cổ truyền là sức mạnh góp phần làm nên chiều sâu và sức sống cho văn học trung đại Việt Nam. Ngược lại qua

các sáng tác, người nghiên cứu có thể soi rọi lại những giá trị văn hoá dân gian trong văn học. Các tác phẩm trên giúp người đọc hiểu hơn về đời sống tinh thần của nhân dân ta thời kì phong kiến. Qua đó góp phần đắc lực cho việc phục hồi các nét đẹp lễ Tết dân tộc đang mất dần do cuộc sống thay đổi và quá trình giao lưu tiếp biến. Đặc biệt hơn, trong thời kì hội nhập, trước nguy cơ văn hóa dân tộc ngày càng bị mai một thì hướng tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hoá là một cách để giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

- Đinh Gia Khánh (chủ biên). (2007a). *Văn học Việt Nam (Thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đinh Gia Khánh (chủ biên). (2007b). *Văn học Việt Nam (Nửa sau thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đỗ Lai Thúy. (1999). *Hồ Xuân Hương - hoài niệm phồn thực*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Huỳnh Như Phương. (2009). Văn học và văn hoá truyền thống. *Tạp chí Nhà văn, số 10*.
- Nguyễn Duy Bắc. (2006). *Cảm nhận về văn hoá và văn học trong hành trình đổi mới*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Trần Đình Sử. (06/3/2017). Giá trị văn hóa của Văn học Việt Nam. *Blog Trần Đình Sử*. Truy cập từ <https://trandinhstu.wordpress.com>.
- Trần Ngọc Thêm. (1998). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.
- Trần Nho Thìn. (2007). *Văn học trung đại Việt Nam dưới cái nhìn văn hóa*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Trần Quốc Vượng. (2000). *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Vũ Ngọc Khánh. (2007). *Nghiên cứu văn hóa cổ truyền Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.